

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~2433~~ /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp quốc gia để đưa ra tuyển chọn**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 03 đề tài khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia để đưa ra tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2021 (Chi tiết danh mục nhiệm vụ trong Phụ lục kèm theo).


Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ

nghệ đánh giá hồ sơ đề tài nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành để lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện và báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

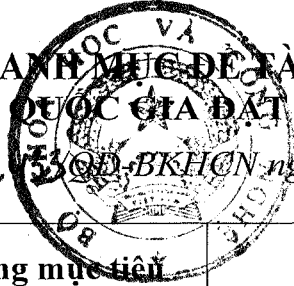
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ KHTC_{NQC}.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Phạm Công Tạc

**DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP QUỐC GIA ĐẠT HÀNG ĐẸ ĐỂ ĐƯA RA TUYỂN CHỌN**

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-BKH&CN ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)



TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức thực hiện
1	<p>Nghiên cứu đề xuất giải pháp và công nghệ cấp nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cụm dân cư nhỏ lẻ trong điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn tại các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p>	<p>- Đánh giá thực trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn; tiềm năng khai thác nước (nước mưa, nước mặt) để cấp nước sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình, cụm dân cư nhỏ lẻ tại các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp và công nghệ khai thác và xử lý nguồn nước mưa, nước mặt chi phí thấp chủ động cấp nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cụm dân cư nhỏ lẻ ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn tại các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo đánh giá thực trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long. 2. Báo cáo đánh giá tiềm năng khai thác nước (nước mưa, nước mặt) để cấp nước sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình, cụm dân cư nhỏ lẻ tại các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long. 3. Đề xuất các giải pháp và công nghệ khai thác (thu, trữ, xử lý) nguồn nước mưa, nước mặt chi phí thấp chủ động cấp nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cụm dân cư nhỏ lẻ trong điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn tại các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long. 4. Quy trình kỹ thuật, công nghệ thu, trữ nước hộ gia đình, cụm dân cư (được Tổng cục Thủy lợi chấp thuận sử dụng). 5. Bản đồ và bộ cơ sở dữ liệu số về thực trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long. 6. 02 mô hình thí điểm ứng dụng các giải pháp cấp nước hộ gia đình, cụm dân cư đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn theo quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế. 7. Bản đồ và bộ cơ sở dữ liệu số về nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long. 8. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước. 	<p>Tuyển chọn</p>

11

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức thực hiện
2	Nghiên cứu tạo tổ hợp lai giữa trâu Thái Lan và trâu Việt Nam.	Tạo được tổ hợp trâu lai thích hợp có hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện chăn nuôi tại Việt Nam.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công thức lai thích hợp giữa trâu Thái Lan và trâu Việt Nam. 2. Báo cáo đánh giá khả năng sản xuất của con lai giữa trâu Thái Lan và Việt Nam. 3. Quy trình chăn nuôi trâu lai sinh sản và thương phẩm. 4. 05 trâu đực giống Thái Lan: 36 tháng tuổi khối lượng ≥ 550 kg; Hoạt lực tinh đông lạnh sau giải đông $A \geq 50\%$; Tỷ lệ phối giống có chữa lần đầu $\geq 50\%$. 5. 1.500 trâu lai giữa trâu Thái Lan và trâu Việt Nam tại 3 miền Bắc – Trung – Nam: <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng sơ sinh ≥ 27 kg; 12 tháng (đực ≥ 180, cái ≥ 160 kg); 24 tháng (đực ≥ 280 kg, cái ≥ 250 kg); 36 tháng (đực ≥ 370 kg, cái ≥ 330 kg); - Tăng khối lượng giai đoạn 24-36 tháng tuổi cao hơn trâu địa phương $\geq 10\%$, tỷ lệ thịt xẻ $\geq 46\%$; - Tuổi phối giống lần đầu ≤ 35 tháng; tuổi đẻ lứa đầu ≤ 46 tháng. 6. 01 mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm qui mô ≥ 100 con trâu lai sinh sản. 7. Ít nhất 03 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành. 8. Tham gia đào được 01 thạc sỹ chuyên ngành chăn nuôi/thú y. 	Tuyển chọn



11

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức thực hiện
3	Nghiên cứu xây dựng và đánh giá hiệu quả mô hình cấp cứu trước bệnh viện.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mô tả thực trạng cấp cứu trước bệnh viện tại Việt Nam. 2. Đề xuất một số mô hình cấp cứu trước bệnh viện phù hợp với từng khu vực. 3. Đánh giá hiệu quả áp dụng mô hình cấp cứu trước bệnh viện tại một số tỉnh phía Nam. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo thực trạng cấp cứu trước bệnh viện tại Việt Nam. 2. Báo cáo đề xuất một số mô hình cấp cứu trước bệnh viện phù hợp với từng khu vực. 3. Báo cáo đánh giá hiệu quả áp dụng mô hình cấp cứu trước bệnh viện tại một số tỉnh phía Nam. 4. Đào tạo: tham gia đào tạo 2 thạc sỹ. 5. Bài báo: 3 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước, trong đó có ít nhất 01 bài báo tiếng anh. 	Tuyển chọn

11

